| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 144/2026/QĐST - DS | *Vĩnh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2026.* |

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 391/2026/TLST - DS ngày 11 tháng 5 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần M;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Công ty cổ phần M:*

+ Ông Đinh Văn P - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Căn cước công dân số 086091004404.

+ Và/hoặc ông Nguyễn Phước T1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Căn cước công dân số 089098009953.

+ Và/hoặc bà Lâm Huỳnh Mỹ T2 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Căn cước công dân số 091303003215.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng D, tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa VPBank Tower, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (theo văn bản ủy quyền số 1692/2026/UQ-VPB ngày 25/6/2026):*

+ Ông Ngô Nhựt L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Căn cước công dân số 089098009300.

+ Và/hoặc ông Nguyễn Phước T1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Căn cước công dân số 089098009953.

+ Và/hoặc ông Nguyễn Toàn P1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Căn cước công dân số 089097008234.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng D, tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 1972;

Căn cước công dân số 083072002278.

Nơi cư trú: Số C, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Phan Thị Yến L1, sinh năm 1973;

Căn cước công dân số 083173011387.

Nơi cư trú: Số A tổ B, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Thành P3, sinh năm 1983;

Căn cước công dân số 074083000034.

Nơi cư trú: Số F, đường F, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

(nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Hoặc bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1985;

Căn cước công dân số 079185026248.

Nơi cư trú: Số F, đường F, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hoàng P2 và bà Phan Thị Yến L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 05% số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2408193514265 ký ngày 20/9/2024 với số tiền còn nợ tính đến hết ngày 10/7/2026 tổng cộng là 401.491.742đ (bốn trăm lẻ một triệu, bốn trăm chín mươi mốt nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc 334.982.054đ (ba trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng); lãi trong hạn là 45.274.579đ (bốn mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 21.235.109đ (hai mươi mốt triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm lẻ chín đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của hợp đồng nêu trên từ ngày 11/7/2026 đến khi ông P2 và bà L1 trả tất toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Ông Nguyễn Hoàng P2 và bà Phan Thị Yến L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần M 95% số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2408193514265 ký ngày 20/9/2024 với số tiền còn nợ tính đến hết ngày 10/7/2026 tổng cộng là 7.628.343.080đ (bảy tỉ, sáu trăm hai mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm tám mươi đồng), trong đó: nợ gốc 6.364.659.018đ (sáu tỉ, ba trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, không trăm mười tám đồng); lãi trong hạn là 860.216.993đ (tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm mười sáu nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 403.467.070đ (bốn trăm lẻ ba triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của hợp đồng nêu trên từ ngày 11/7/2026 đến khi ông P2 và bà L1 trả tất toán nợ cho Công ty Cổ phần M.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng P2 và bà Phan Thị Yến L1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN2408193514265 ngày 18 tháng 9 năm 2024, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 559,7 m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 63, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán thì ông P2 và bà L1 phải tiếp tục thanh toán toàn bộ phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M cho đến khi nghĩa vụ trả nợ được thực hiện đầy đủ.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng P2 và bà Phan Thị Yến L1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền là 3.624.000đ (ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng P2 và bà Phan Thị Yến L1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí là 58.015.000đ (năm mươi tám triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.546.000đ (năm mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006992 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.331.000đ (chín triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006993 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, vp.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Diễm My**